

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Công Tâm, bà Lê Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1.1/ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1986; địa chỉ: 395/6 ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 14/9/2022.

1.2/ *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn C - Sinh năm: 1978; địa chỉ: 395/6 ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; có đơn xin giải quyết **vắng mặt đề ngày 26/8/2022**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản phiên họp nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T (sau đây gọi tắt là bà T) trình bày:

Vào năm 2005, bà và ông C do quen biết rồi tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/6/2008. Sau khi cưới giữa bà và ông C sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C ăn chơi, nhậu nhẹt; có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài; hành hung, đánh đập vợ con; vợ chồng thường xuyên gây gổ, không có tiếng nói chung... Từ những nguyên nhân trên đã làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc.

Mặc dù hiện tại vợ chồng vẫn còn sống chung nhà nhưng bắt đầu từ năm 2020 thì bà và ông C đã ly thân với nhau cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình

cảm vợ chồng đã không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 (một) người con chung tên Huỳnh Yến N, sinh ngày: 11/7/2011 (hiện đang sống chung với bà và ông C); khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của con chung muốn sống với ai bà cũng chấp nhận, nếu được nuôi con thì bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; nếu ông C nuôi con thì bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Không có.

- Bị đơn là ông C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và có gửi cho Tòa án văn bản xin giải quyết vắng mặt, thể hiện ý kiến không đồng ý ly hôn.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C.
- Về con: Giao cho bà T trực tiếp nuôi người con chung là Huỳnh Yến N - Sinh ngày: 11/7/2011 (có nguyện vọng được sống chung với bà T); bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.
- Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ: Không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với ông C, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông C có địa chỉ thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là ông C vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà T và ông C là phù hợp với quy định của pháp luật. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy đời sống vợ chồng của bà T, ông C đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân

từ năm 2020 cho đến nay mà vẫn không hàn gắn được. Mặc dù ông C có văn bản thể hiện ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng lại vắng mặt trong suốt giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, không thể hiện thiện chí muốn đoàn tụ với bà T, trong khi đó bà T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà T và ông C có 01 (một) người con chung tên Huỳnh Yến N, sinh ngày: 11/7/2011, người con này đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống chung với bà T; ông C vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu gì liên quan đến việc nuôi con; do vậy cần giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng, về tài sản, về nợ: Ông C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ; bà T không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Văn C.

[2] Về con chung:

- Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa bà với ông Huỳnh Văn C là Huỳnh Yến N - Sinh ngày: 11/7/2011 (người con này hiện đang sống chung với bà Nguyễn Thị T). Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Huỳnh Văn C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Ông Huỳnh Văn C có quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông C thực hiện quyền này. Trong trường hợp ông C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C.

- Vì lợi ích của con chung, bà Nguyễn Thị T, ông Huỳnh Văn C hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Khi có lý do chính đáng, bà Nguyễn Thị T, ông Huỳnh Văn C có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ: Ông C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ; bà Nguyễn Thị T không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008376 ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Bà Nguyễn Thị T, ông Huỳnh Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bà Nguyễn Thị T ^(01 bản);
- Ông Huỳnh Văn C ^(01 bản);
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre ^(01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách ^(01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C ^(01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre ^(01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án ^(01 bản), Vp ^(01 bản), Bp ^(01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền